



*vinataba*

# **NÂNG CAO NĂNG LỰC KIỂM SOÁT VIÊN VÀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CÔNG TY**

**DÀNH CHO CÁN BỘ CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN**

**NĂM 2024**

# CÙNG LÀM QUEN

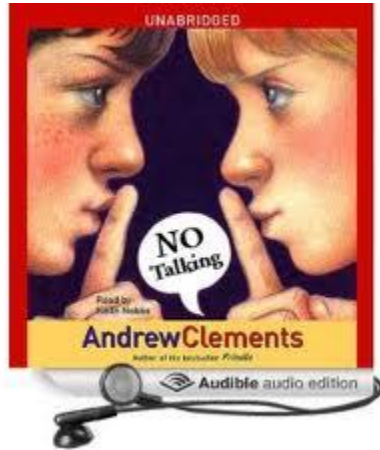
---



- Anh/Chị giới thiệu ngắn gọn về bản thân và vị trí công tác tại đơn vị.
- Anh/Chị mong muốn nhận được những gì từ khóa học này?

# NÂNG CAO NĂNG LỰC KIỂM SOÁT VIÊN VÀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CÔNG TY

## MỘT SỐ QUY ĐỊNH



**NO SMOKING**



## MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

*Sau khi hoàn thành chương trình này, học viên có thể:*

- Hiểu được quy trình kiểm tra, kiểm soát của kiểm soát viên;
- Nắm vững được các nội dung, đối tượng trọng yếu cần kiểm soát trong doanh nghiệp;
- Hiểu và vận dụng phương pháp và kinh nghiệm trong nhận diện, phân tích, đo lường đánh giá rủi ro, từ đó xây dựng được kế hoạch và chuyên đề kiểm soát;
- Biết thiết kế và trình bày báo cáo của Kiểm soát viên/Ban kiểm soát;
- Nắm vững các kỹ năng trao đổi ý kiến với Ban giám đốc công ty; Kỹ năng nêu vấn đề và kiến nghị phương án giải quyết vấn đề với chủ sở hữu của công ty;
- Hiểu được rủi ro nghề nghiệp và phương án xử lý các mức độ rủi ro nghề nghiệp.

## NỘI DUNG ĐÀO TẠO

### Ngày 1

- Các nội dung/đối tượng trọng yếu cần phân tích và kiểm soát trong doanh nghiệp
- Phương pháp, kinh nghiệm trong nhận diện, phân tích, đo lường đánh giá rủi ro
- Các chỉ tiêu tài chính và giới hạn trong hoạt động tài chính đối với DN Nhà nước

### Ngày 2

- Quy trình Kiểm tra, Kiểm soát của Kiểm soát viên
- Phương pháp nhận diện rủi ro trong quá trình tác nghiệp của Kiểm soát viên
- Thiết kế và trình bày báo cáo của Kiểm soát viên/Ban kiểm soát.
- Kỹ năng trao đổi ý kiến với Ban giám đốc công ty; Kỹ năng nêu vấn đề và kiến nghị phương án giải quyết vấn đề với chủ sở hữu của công ty.
- Rủi ro nghề nghiệp và phương án xử lý các mức độ rủi ro nghề nghiệp.
- Trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm



## NỘI DUNG 1

---

# CÁC NỘI DUNG TRỌNG YẾU CẦN PHÂN TÍCH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY



**Ở GÓC ĐỘ NHÀ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH, ANH/CHỊ MONG MUỐN ĐIỀU GÌ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY MÌNH?**

**(Mỗi anh/Chị chỉ nêu ra 2 mong muốn)**

**1. ....**

**2. ....**

## CÁC NỘI DUNG TRỌNG YẾU CẦN PHÂN TÍCH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

---

- Công tác quản lý, điều hành công ty
- Hoạt động huy động và sử dụng vốn (tình hình tài chính)
- Kết quả hoạt động kinh doanh và bảo toàn vốn
- Hoạt động thu chi và dòng tiền
- Tuân thủ pháp luật
- Chính sách người lao động

## CÁC NỘI DUNG TRỌNG YẾU CẦN PHÂN TÍCH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

### **Điều 104 Luật Doanh nghiệp (2020). Nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có nghĩa vụ sau đây:

- a) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh;
- b) Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của công ty;
- c) Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên và Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty;
- d) Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ khác của công ty;
- đ) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;
- e) Giám sát hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan;
- g) Giám sát thực hiện dự án đầu tư lớn; hợp đồng, giao dịch mua, bán; hợp đồng, giao dịch kinh doanh khác có quy mô lớn; hợp đồng, giao dịch kinh doanh bất thường của công ty;
- h) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và Hội đồng thành viên;
- i) Thực hiện nghĩa vụ khác theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu, quy định tại Điều lệ công ty.

## NỘI DUNG 2

---

# PHƯƠNG PHÁP VÀ KINH NGHIỆM TRONG PHÂN TÍCH VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO CÔNG TY



# RỦI RO VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

## Rủi ro (Risk)



- Là sự sai biệt giữa giá trị thực tế và giá trị kỳ vọng.
- Là sự không chắc chắn về tổn thất.
- Theo COSO: Rủi ro là những **sự kiện không chắc chắn** có thể xảy ra và làm ảnh hưởng đến việc đạt mục tiêu của tổ chức.

*"Don't put all your eggs in one basket"*

# RỦI RO VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

## Vì sao phải quản trị rủi ro?

*Một trong những tư duy sâu sắc của Tổng thống Mỹ rất có ý nghĩa cho những người làm công tác quản trị rủi ro ...*



# RỦI RO VÀ PHÂN LOẠI RỦI RO

## CÁC LOẠI RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

- **Rủi ro thị trường** (*Market Risk*): Rủi ro liên quan đến toàn bộ thị trường hay toàn bộ nền kinh tế (rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro chứng khoán, rủi ro giá cả hàng hóa)
- **Rủi ro kế toán** (*Accounting Risk*) Rủi ro liên quan đến nghiệp vụ kế toán không phù hợp với một giao dịch, có thể xảy ra khi quy trình và quy định về kế toán thay đổi hay chưa được xây dựng.
- **Rủi ro tài chính** (*Financial Risk*) Rủi ro liên quan đến những thay đổi về lãi suất, tỷ giá và cấu trúc vốn của doanh nghiệp.

## CÁC LOẠI RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

- **Rủi ro kinh doanh** (*Business Risk*) Rủi ro liên quan đến một hoạt động đặc trưng của doanh nghiệp.
- **Rủi ro mô hình** (*Model Risk*) Rủi ro liên quan đến việc sử dụng mô hình không đúng hoặc không phù hợp.
- **Rủi ro pháp lý** (*Regulatory Risk*) Rủi ro mà các quy định và định hướng quản lý thay đổi, đem lại tác động bất lợi đối với công ty.
- **Rủi ro quy mô** (*Quantity Risk*) Rủi ro của một chiến lược phòng ngừa rủi ro trong đó, nhà quản trị rủi ro không biết được mình sẽ sở hữu hoặc bán bao nhiêu đơn vị tài sản giao ngay.

# RỦI RO VÀ PHÂN LOẠI RỦI RO

## CÁC LOẠI RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

- **Rủi ro tín dụng** (*Credit Risk*) Rủi ro xảy ra khi khách hàng hoặc doanh nghiệp đối tác mắc nợ không đáp ứng được các nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho doanh nghiệp.
- **Rủi ro thanh khoản** (*Liquidity Risk*) Rủi ro liên quan đến khả năng chuyển đổi các tài sản thành tiền để thực hiện các nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp.
- **Rủi ro hoạt động** (*Operational Risk*) Rủi ro liên quan đến việc thực hiện các chức năng quản trị doanh nghiệp: Kiểm soát nội bộ; cơ cấu tổ chức; nhân sự; gian lận...

## Rủi ro tài chính (Financial Risk)

- *Rủi ro tài chính*: Là sự biến động hay sự khác biệt của lợi nhuận thực tế so với lợi nhuận kỳ vọng của doanh nghiệp phát sinh từ những biến động của giá cả thị trường (như lãi suất, tỷ giá, giá cả hàng hóa, giá cả chứng khoán) và các yếu tố thuộc về các quyết định quản trị tài chính doanh nghiệp.

- Rủi ro thị trường (Market Risk)
  - Rủi ro lãi suất
  - Rủi ro tỷ giá
  - Rủi ro giá cả hàng hóa
  - Rủi ro giá chứng khoán
- Rủi ro tín dụng (Credit Risk)
- Rủi ro thanh khoản (Liquidity Risk)
- Rủi ro cấu trúc vốn (Capital Risk)

# KINH NGHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

*Rủi ro thị trường, Rủi ro hoạt động*

*Rủi ro thị trường, Rủi ro kinh doanh*

*Rủi ro hoạt động, Rủi ro kinh doanh*

*Rủi ro thị trường, Rủi ro cấu trúc vốn*

*Rủi ro thị trường*

**Doanh thu thuần**

**Giá vốn hàng bán**

**Lợi nhuận gộp**

**Chi phí bán hàng**

**Chi phí quản lý DN**

**Lợi nhuận trước  
lãi và thuế (EBIT)**

**Chi phí trả lãi tiền vay**

**Lợi nhuận  
trước thuế**

**Thuế TNDN**

**Lợi nhuận sau thuế**

# KINH NGHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro thị trường (lạm phát, lãi suất, tỷ giá); Rủi ro hoạt động

Rủi ro tín dụng thương mại

Rủi ro thị trường (lạm phát, lãi suất, tỷ giá); Rủi ro hoạt động

Rủi ro kinh doanh; Rủi ro thị trường (tỷ giá)

Rủi ro thị trường; Rủi ro hoạt động

## TÀI SẢN

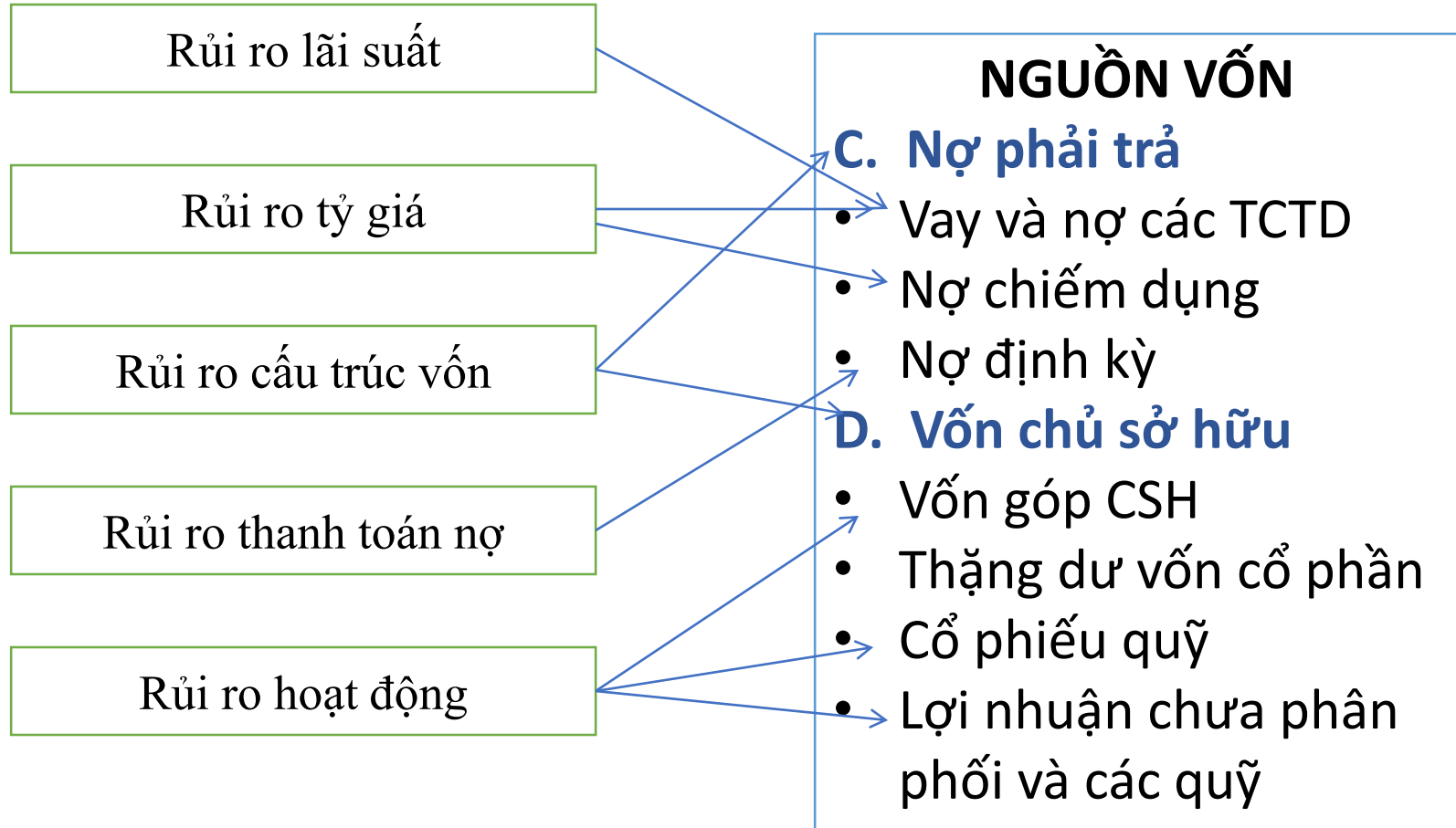
### A. Tài sản ngắn hạn

- Tiền và tương đương
- Đầu tư TC ngắn hạn
- Khoản phải thu
- Hàng tồn kho
- TS ngắn hạn khác

### B. Tài sản dài hạn

- Phải thu dài hạn
- Tài sản cố định
- Bất động sản đầu tư
- Đầu tư TC dài hạn

# KINH NGHIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH



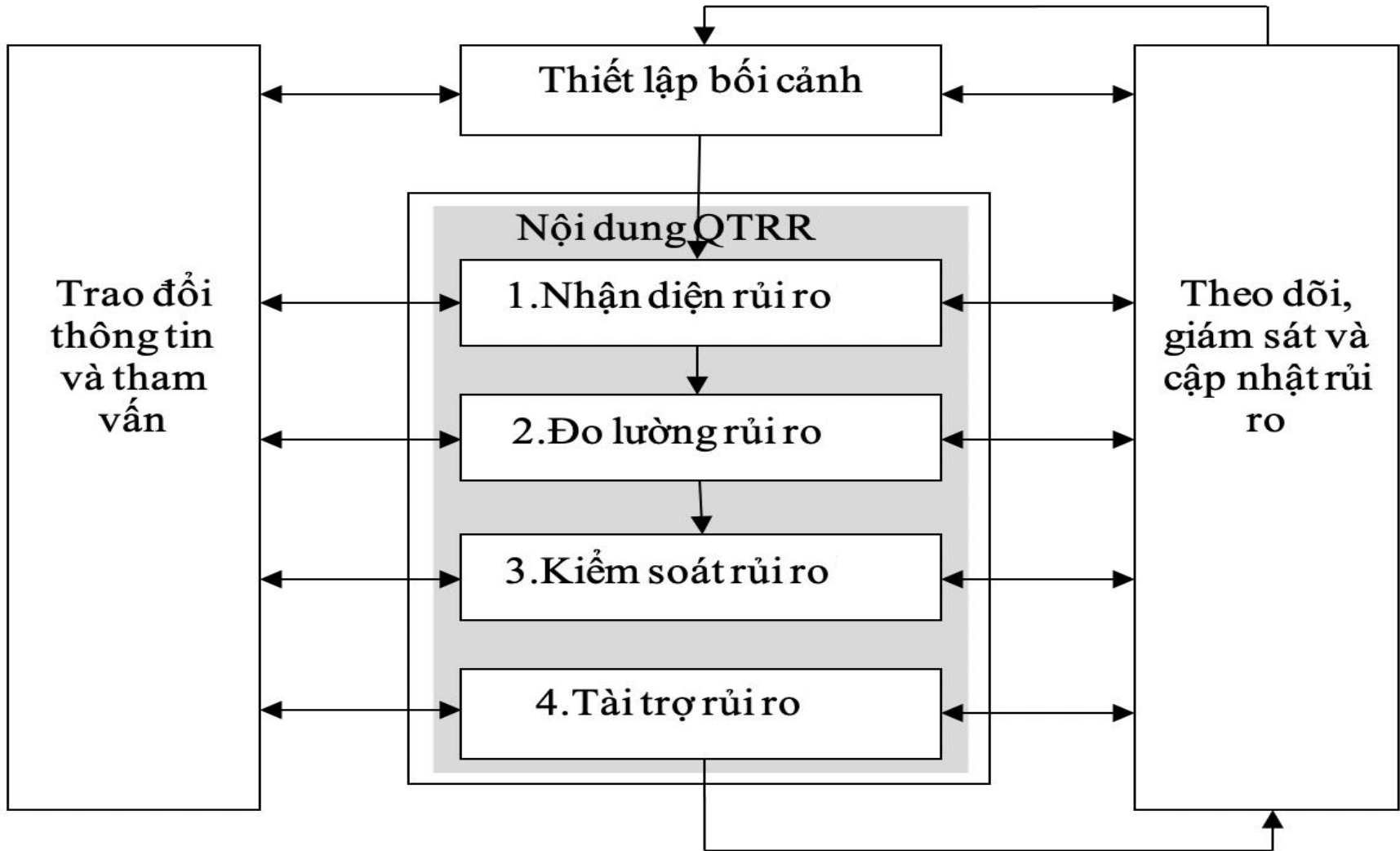
# PHƯƠNG PHÁP NHẬN DIỆN RỦI RO

---

- Phân tích báo cáo tài chính;
- Thanh tra, kiểm tra;
- Làm việc trực tiếp các bộ phận doanh nghiệp;
- Làm việc với các đối tác bên ngoài doanh nghiệp;
- Điều tra trong và ngoài doanh nghiệp;
- Nghiên cứu số liệu quá khứ;
- Phân tích hợp đồng, dự án;
- Tư vấn chuyên gia.

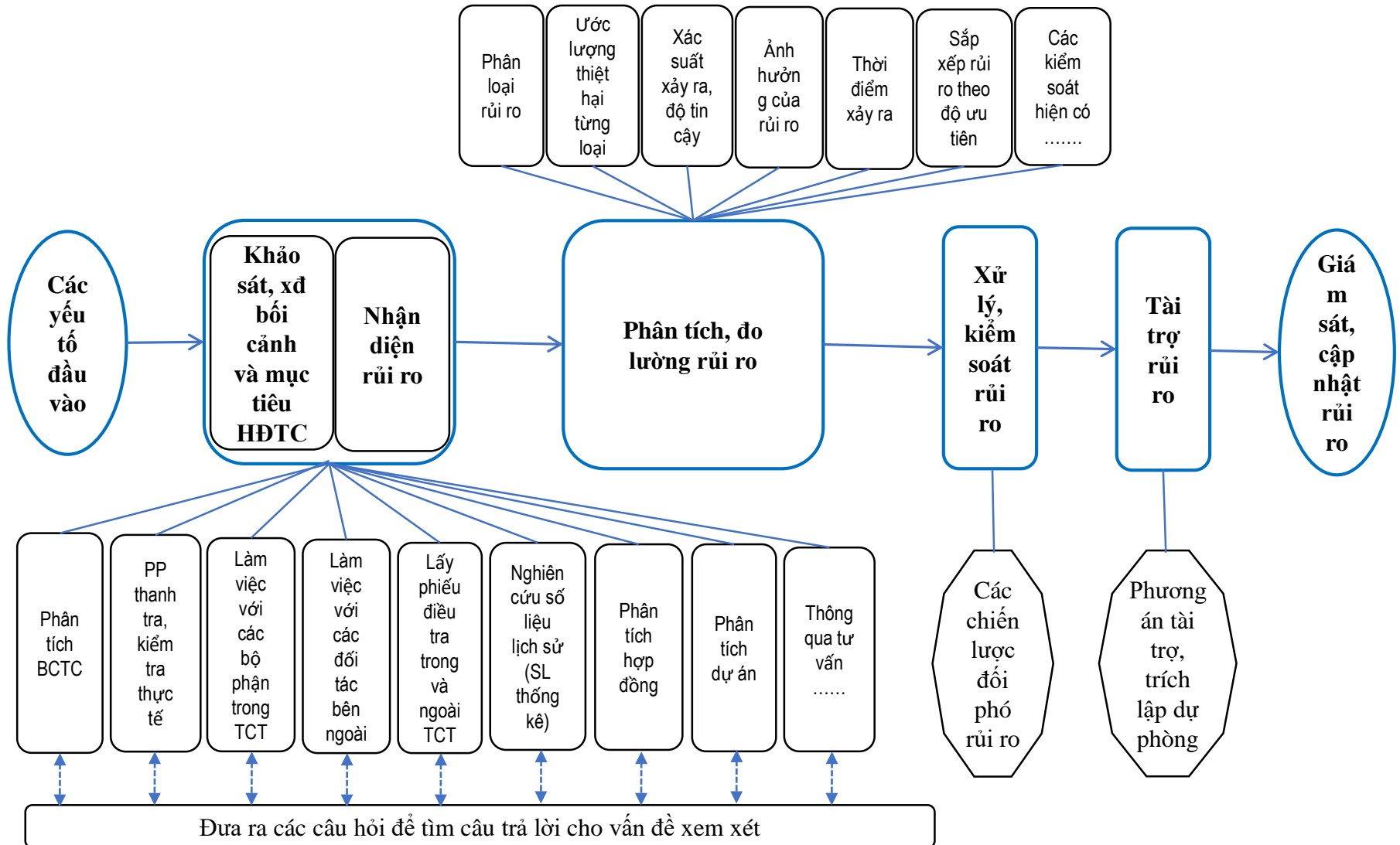
# QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

## Quy trình quản trị rủi ro



# QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

Mối quan hệ và trình tự các bước trong quy trình quản trị rủi ro



## Bước 1: Thiết lập bối cảnh và mục tiêu

- Bối cảnh bên ngoài
- Bối cảnh bên trong
- Mục tiêu cần đạt được trong hoạt động quản trị rủi ro
  - ✓ Kiểm soát được biên độ và tần suất xảy ra rủi ro với chi phí thích hợp;
  - ✓ Đảm bảo duy trì và gia tăng hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trong mọi tình huống.

## Bước 2: Nhận diện rủi ro

### 2.1 Các phương pháp nhận diện rủi ro:

- Phân tích báo cáo tài chính;
- Thanh tra, kiểm tra trực tiếp;
- Làm việc trực tiếp các bộ phận doanh nghiệp;
- Làm việc với các đối tác bên ngoài doanh nghiệp;
- Lấy phiếu điều tra trong và ngoài doanh nghiệp;
- Nghiên cứu số liệu thống kê, số liệu lịch sử;
- Phân tích hợp đồng, dự án;
- Tư vấn chuyên gia.

## Bước 2: Nhận diện rủi ro

### 2.2 Các công cụ phát hiện rủi ro:

- Bảng câu hỏi phân tích rủi ro;
- Danh mục các nguy cơ;
- Danh mục các rủi ro tài chính được bảo hiểm;
- Hệ thống các chuyên gia.

### 2.3 Các bước nhận diện rủi ro:

- Thứ nhất, định hướng;
- Thứ hai, phân tích tài liệu;
- Thứ ba, phỏng vấn;
- Thứ tư, khảo sát, điều tra trực tiếp.

## Bước 2: Nhận diện rủi ro

### 2.5 Một số dấu hiệu nhận biết rủi ro:

1. Xuất hiện hoặc gia tăng các khoản nợ quá hạn, nợ xấu, nợ xóa sổ;
2. Tỷ lệ các khoản nợ đã cơ cấu lại hoặc đảo, hoãn, giãn, khoan so với tổng dư nợ ngày càng tăng.
3. Tỷ lệ giữa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho, giảm giá đầu tư tài chính hàng năm so với tổng tài sản nhóm trích lập dự phòng cao và ngày càng tăng.
4. Doanh nghiệp có hoạt động (thanh toán, tín dụng thương mại, vay,...) liên quan đến ngoại tệ và tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước, khu vực, thế giới đang và/hoặc sẽ có biến động lớn.
5. Doanh nghiệp có những khoản nợ lớn (có tính lãi suất) và Nhà nước đang và/hoặc sẽ sử dụng chính sách thắt chặt tiền tệ.
6. Hiệu quả hoạt động có xu hướng giảm hoặc âm.
7. Hiệu suất hoạt động có xu hướng giảm.
8. ....

## Bước 2: Nhận diện rủi ro

### 2.5 Một số dấu hiệu nhận biết rủi ro:

8. Vốn chủ sở hữu có xu hướng giảm, âm.
9. Các khoản nợ phải thu, nợ phải trả, hàng tồn kho,... tăng cao hoặc giảm bất thường.
10. Các chỉ số tài chính bị mất cân đối lớn.
11. Hệ thống kế toán chưa tuân thủ các chuẩn mực kế toán quốc gia và quốc tế.
12. Kiểm tra mẫu hồ sơ kế toán lưu kho không đầy đủ, hạch toán trùng, thiếu chữ ký, không có hồ sơ gốc (bản dấu đỏ và/hoặc chữ ký tươi) kèm theo, ...
13. Doanh nghiệp thường chậm thanh toán lương cho người lao động.
14. Số lao động rời bỏ doanh nghiệp trong thời gian gần đây tăng cao.
15. Xuất hiện các cuộc khiếu kiện trong và ngoài doanh nghiệp, nhất là các cuộc khiếu kiện liên quan tài chính của doanh nghiệp.

## Bước 3: Đo lường rủi ro

### 3.1 Mục tiêu đo lường rủi ro:

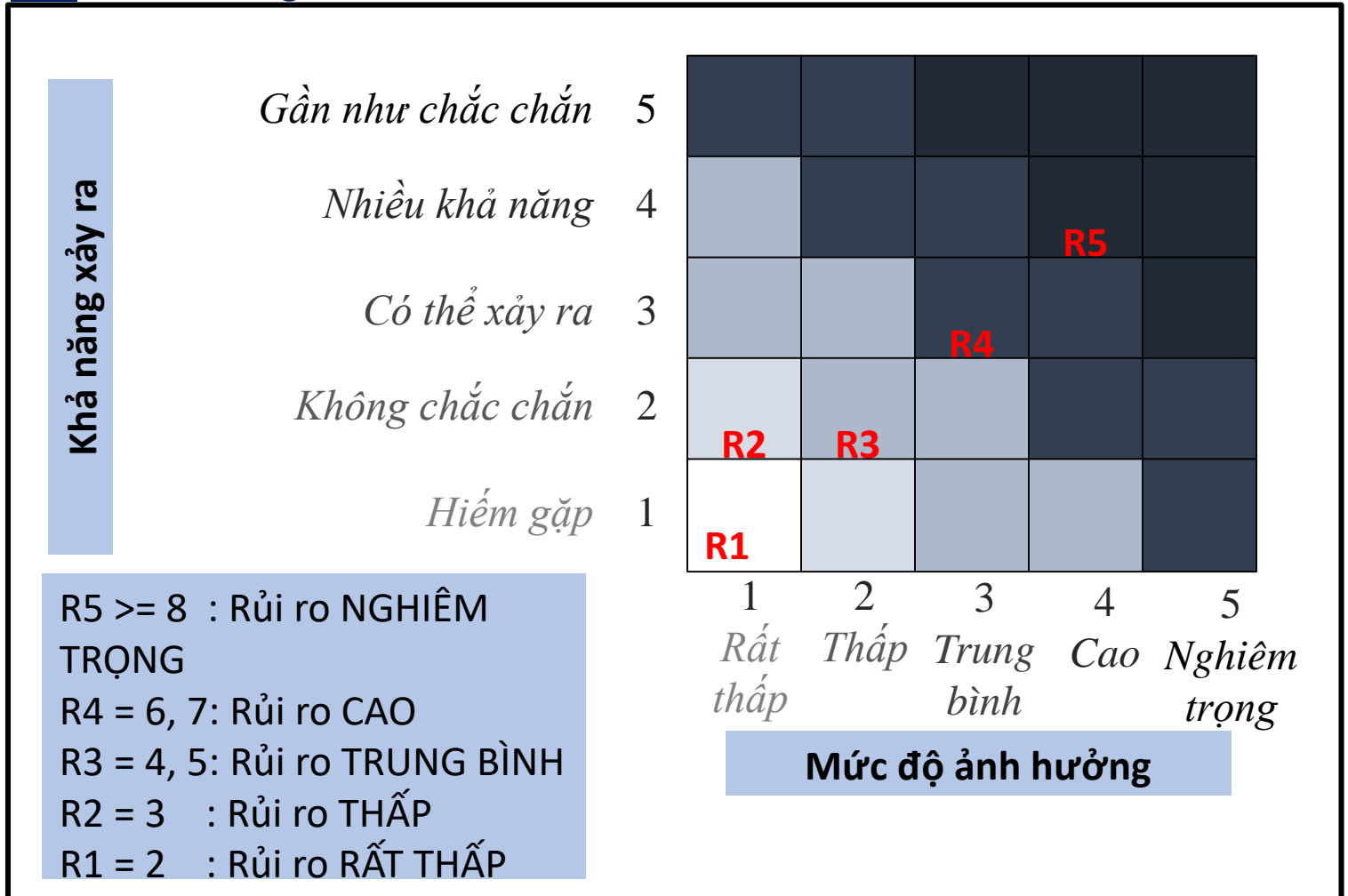
- Mức độ tổn thất tối đa.
- Khả năng xảy ra tổn thất từ rủi ro tài chính.
  - Nhóm nguy hiểm;
  - Nhóm quan trọng;
  - Nhóm không quan trọng.

# NỘI DUNG QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

## Bước 3: Đo lường rủi ro

### 3.2 Đo lường định tính

### (1) MA TRẬN RỦI RO



# NỘI DUNG QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

## Bước 3: Đo lường rủi ro

### 3.2 Đo lường định tính

### (1) MA TRẬN RỦI RO

#### QUI ƯỚC VỀ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG

Ảnh hưởng	Rất thấp (1)	Thấp (2)	Trung bình (3)	Cao (4)	Rất cao (5)
Mức giảm doanh thu so với kỳ trước	<3%	3-:-5%	5-:-10%	10-:-20%	≥ 20%
Mức tổn thất chi phí	< 0,5%	0,5-:-3%	3-:-5%	5-:-10%	≥10%
Mức tăng chi phí lãi vay	<3%	3-:-5%	5-:-10%	10-:-20%	≥ 20%
Mức giảm giá trị lợi nhuận sau thuế	<3%	3-:-5%	5-:-10%	10-:-20%	≥ 20%
Mức giảm tài sản	< 0,5%	0,5-:-3%	3-:-5%	5-:-10%	≥10%
Mức giảm Vốn chủ sở hữu	< 0,5%	0,5-:-3%	3-:-5%	5-:-10%	≥10%
.....	.....	.....	.....	.....	.....

# NỘI DUNG QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

## Bước 3: Đo lường rủi ro

### 3.2 Đo lường định tính

## (1) MA TRẬN RỦI RO

### QUI ƯỚC VỀ KHẢ NĂNG XẢY RA

TT	Xếp hạng khả năng xảy ra	Khả năng xảy ra	Mô tả
1	Hiếm gặp	< 5%	Không có khả năng xuất hiện; hoặc xét trong 10 kỳ tài chính gần đây nhất thì chưa có năm nào đã xảy ra rủi ro đang xét;
2	Không chắc chắn	5% - 25%	Có thể nhận thấy, nhưng không có dấu hiệu hay bằng chứng về sự xuất hiện; hoặc xét trong 10 kỳ kế hoạch gần đây nhất thì có từ 1 đến 2 kỳ có xảy ra rủi ro đang xét;
3	Có thể xảy ra	26% - 50%	Đã xảy ra trước đây, và có một số dấu hiệu cho thấy có thể sẽ xuất hiện lại; hoặc xét trong 10 kỳ kế hoạch thì có từ lớn hơn 2 đến 5 kỳ đã xảy ra rủi ro đang xét;
4	Nhiều khả năng	51% - 75%	Một số bằng chứng cho thấy rất có thể xảy ra; hoặc xét trong 10 kỳ kế hoạch thì có từ lớn hơn 5 đến 7 kỳ đã xảy ra rủi ro đang xét;
5	Gần như chắc chắn	>75%	Có bằng chứng chắc chắn cho thấy xác suất xảy ra lớn; hoặc xét trong 10 kỳ kế hoạch thì có lớn hơn 7 kỳ đã xảy ra rủi ro đang xét;

# NỘI DUNG QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

## Bước 3: Đo lường rủi ro

### 3.2 Đo lường định tính

### (2) ĐO LƯỜNG RỦI RO ĐỊNH TÍNH

Mã rủi ro	Sự kiện rủi ro	Mô tả	Nguyên nhân	Hậu quả	Thách thức hay cơ hội	Lĩnh vực ảnh hưởng	Hạng rủi ro theo ma trận RR	Chiến lược xử lý	P.A dự phòng, giải pháp khắc phục	Rủi ro gần hay rủi ro xa	Thời điểm nhận diện	Trạng thái rủi ro	Trách nhiệm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
R1	Lãi suất	Lãi suất tiền vay tăng làm chi phí lãi vay trong kỳ phải trả tăng	Nhà nước thắt chặt tiền tệ	Tăng chi phí, giảm lợi nhuận	Thách thức	Tài chính	H4:4	Giảm thiểu	Ký hợp đồng vay vốn với lãi suất cố định	Rủi ro xa	12/xxxx x	Đang đánh giá	Tổ tín dụng - Ban TCKT
R2													
...													
Rn													

## Bước 4. Kiểm soát rủi ro

### Nội dung kiểm soát rủi ro

- **Giảm thiểu rủi ro**
  - Sử dụng các công tài chính phái sinh
  - Điều chỉnh các chỉ tiêu kinh doanh tiềm ẩn rủi ro
- **Né tránh rủi ro**
  - Loại bỏ nguyên nhân, môi trường dễ gây rủi ro.
  - Quản trị tốt thông tin
- **Chuyển giao rủi ro**
  - Mua bảo hiểm
  - Chứng khoán hóa tài sản rủi ro
- **Chấp nhận rủi ro**

## Bước 4. Kiểm soát rủi ro

### **Biện pháp chung kiểm soát rủi ro**

1. Thuê tổ chức, cá nhân tư vấn định kỳ;
2. Tổ chức và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ;
3. Mua bảo hiểm tài sản;
4. Dự báo và Lập kế hoạch tài chính.

## Bước 5. Tài trợ rủi ro

1. Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
2. Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn
3. Dự phòng nợ phải thu khó đòi
4. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
5. Trích lập quỹ dự phòng tài chính
6. Mua bảo hiểm tài sản

## NỘI DUNG 3

---

# CÁC CHỈ TIÊU/TỶ SỐ TÀI CHÍNH VÀ MỘT SỐ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

## 1. Phân tích tính cân đối kết cấu tài sản và nguồn vốn

### ■ Vốn lưu động ròng (Net Working Capital)

$$= (\text{Nợ dài hạn} + \text{Vốn chủ sở hữu}) - \text{Tài sản dài hạn}$$

*Hoặc* 
$$= \text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Nợ ngắn hạn}$$

- $NWC > 0$ : Cơ cấu tổng thể tài sản và nguồn vốn cân đối, hợp lý.
- $NWC = 0$ : Chấp nhận được
- $NWC < 0$ :  $\rightarrow$  DN đang sử dụng vốn sai mục đích, lấy nguồn ngắn hạn tài trợ dài hạn  $\rightarrow$  Rủi ro thanh khoản và nguy cơ phá sản cao. Đồng thời doanh nghiệp không có nhu cầu vốn lưu động.

## 2. Phân tích cơ cấu vốn và mức độ sử dụng nợ vay

$$\text{Hệ số nợ (DAR)} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn}}$$

- Tỷ số cho biết, cứ một trăm đồng vốn doanh nghiệp đang dùng thì có bao nhiêu đồng nợ.

- Tỷ số nợ càng cao  $\rightarrow$  Mức độ rủi ro tài chính càng lớn.

$$\text{Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (DER)} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

Tỷ số DER này đối với các DNNN ở Việt Nam: (không quá 3 lần, Khoản 3, Điều 23, Luật số 69/QH13)

## 3. Phân tích hiệu quả sử dụng nợ vay

- Tỷ số sinh lời cơ sở, BEP (Basic Earning Power)

$$\text{BEP} = \frac{\text{EBIT (LN trước lãi và thuế)}}{\text{Tổng nguồn vốn}}$$

- *EBIT = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế + Chi phí trả lãi tiền vay*

1. Nếu  $\text{BEP} > \text{Chi phí sử dụng nợ vay}$  (trạng thái đòn bẩy tài chính dương)  
=> Nợ càng nhiều => ROE càng lớn.  
Doanh nghiệp đang sử dụng nợ vay hiệu quả.
2. Nếu  $\text{BEP} < \text{Chi phí sử dụng nợ vay}$  (trạng thái đòn bẩy tài chính âm)  
=> Nợ càng nhiều => ROE càng thấp.  
Doanh nghiệp sử dụng nợ vay không hiệu quả.

## 4. Phân tích hiệu suất sử dụng tài sản

- Vòng quay tổng tài sản (Total Asset Turnover)

$$\text{Vòng quay Tổng tài sản (AT)} = \frac{\text{Tổng doanh thu}}{\text{Tài sản bình quân}}$$

- Tài sản bình quân tính theo bình quân quý hoặc tháng.
- Tỷ số cho biết một đồng tài sản/một đồng vốn đầu tư tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu.
- Tỷ số này càng cao cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản/hiệu suất đầu tư càng tốt.

Thực hành trên file Excel

## 5. Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh

### ▪ Lợi nhuận biên, ROS (Return On Sales)

$$\text{Lợi nhuận biên gộp (GOS, GP)} = \frac{\text{Lợi nhuận gộp}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

- Tỷ số cho biết, một trăm đồng doanh thu thuần tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận gộp.
- Tỷ số GOS càng cao → Hiệu quả quản lý giá vốn càng tốt.

---

$$\text{Lợi nhuận biên (ROS, PM)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

- Tỷ số cho biết, một trăm đồng doanh thu tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế.
- Tỷ số ROS càng cao → Hiệu quả hoạt động kinh doanh càng tốt.

## 6. Phân tích khả năng sinh lời

- Tỷ suất thu hồi tài sản, ROA

$$\text{ROA} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế (Return)}}{\text{Tổng tài sản (Asset)}^*}$$

- Tỷ suất thu hồi Vốn chủ sở hữu, ROE

$$\text{ROE} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế (Return)}}{\text{Vốn chủ sở hữu (Equity)}^{**}}$$

- *Tổng tài sản (\*) và Vốn chủ sở hữu (\*\*)* trong công thức trên thông thường được lấy số liệu cuối kỳ trên báo cáo tài chính.
- *Để tính chính xác hơn, Tổng tài sản (\*) và Vốn chủ sở hữu (\*\*)* sẽ được tính bình quân theo quý, theo tháng hoặc theo ngày thực tế sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

## 7. Phân tích tỷ số giá thị trường

- Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu, EPS (Earning Per Share of Stock)

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu, Book Value (BV)

$$\text{BV} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

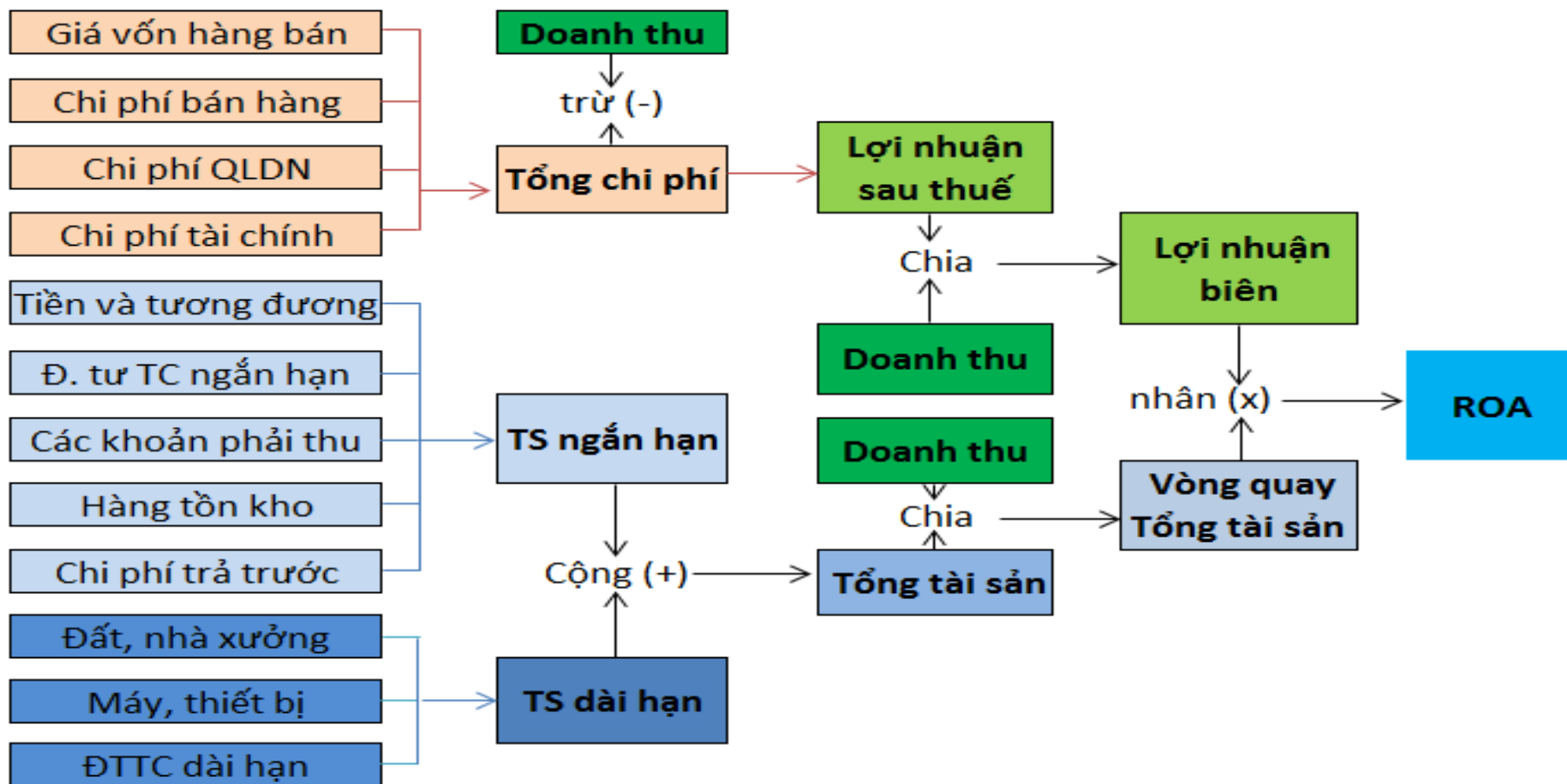
- Tỷ số P/E và P/B

$$\text{P/E} = \frac{\text{Giá thị trường (P)}}{\text{EPS}}$$

$$\text{P/B} = \frac{\text{Giá thị trường (P)}}{\text{BV}}$$

## 8. Hiệu quả tài chính doanh nghiệp

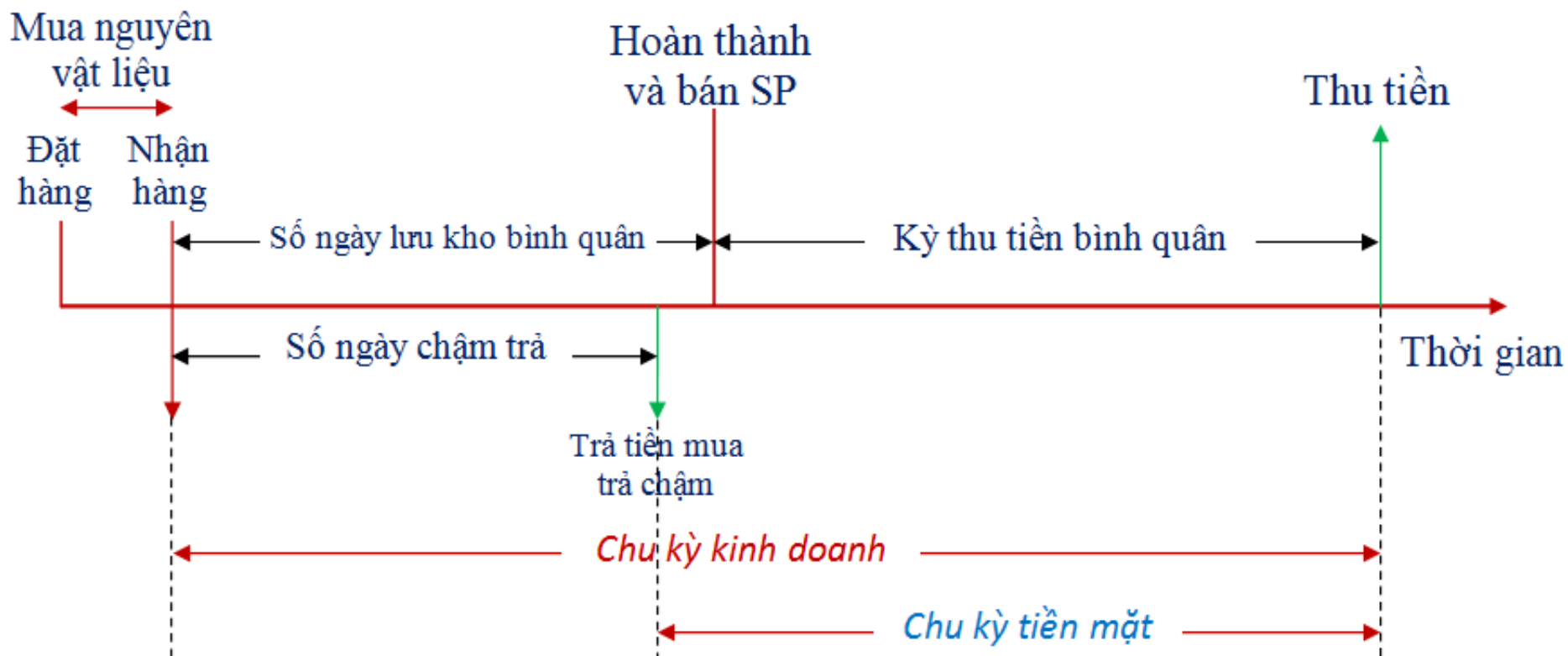
Đẳng thức Dupont và ROA





## 9. Các chỉ tiêu về hiệu quả quản lý vốn lưu động

### Chu kỳ kinh doanh và Chu kỳ tiền mặt



## 9. Các chỉ tiêu về hiệu quả quản lý vốn lưu động

- Vòng quay hàng tồn kho (Inventory Turnover Ratio)

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$$

$$\text{Số ngày lưu kho bình quân} = \frac{365 \text{ ngày}}{\text{Vòng quay hàng tồn kho}}$$

- 
- Đánh giá hiệu quả quản lý hàng tồn kho của doanh nghiệp.
  - Vòng quay hàng tồn kho càng cao → Số ngày lưu kho càng thấp → Hiệu quả quản lý hàng tồn kho tốt lên.

## 9. Các chỉ tiêu về hiệu quả quản lý vốn lưu động

### ■ Vòng quay các khoản phải thu

$$\text{Vòng quay khoản phải thu} = \frac{\text{Tổng doanh thu}}{\text{Khoản phải thu bình quân}}$$

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{365 \text{ ngày}}{\text{Vòng quay khoản phải thu}}$$

- Đánh giá hiệu quả quản lý khoản phải thu, hoạt động tín dụng thương mại của doanh nghiệp
- Vòng quay khoản phải thu càng cao → Kỳ thu tiền bình quân càng thấp → Hiệu quả quản lý khoản phải thu tốt lên.

## 9. Các chỉ tiêu về hiệu quả quản lý vốn lưu động

- **Chu kỳ kinh doanh**

= (Số ngày lưu kho bình quân + Kỳ thu tiền bình quân)

- **Vòng quay vốn lưu động**

=  $365 / \text{Chu kỳ kinh doanh}$

Vòng quay vốn lưu động càng lớn → Hiệu quả sử dụng vốn lưu động càng tốt

## 9. Các chỉ tiêu về hiệu quả quản lý vốn lưu động

- Vòng quay khoản phải trả

$$\text{Vòng quay khoản phải trả} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Khoản phải trả bình quân}}$$

$$\text{Kỳ trả tiền bình quân} = \frac{365 \text{ ngày}}{\text{Vòng quay khoản phải trả}}$$

- Chu kỳ tiền mặt (CCC – Cash Conversion Cycle)  
= Chu kỳ kinh doanh – Kỳ trả tiền bình quân

## 10. Các tỷ số về khả năng thanh khoản

$$\text{Tỷ số thanh toán hiện hành (Current Ratio)} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

$$\text{Tỷ số thanh toán nhanh (Quick Ratio)} = \frac{(\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho})}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

$$\text{Tỷ số thanh toán tức thời (Cash Ratio)} = \frac{(\text{Tiền và tương đương} + \text{Đầu tư TC ngắn hạn})}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

# Xin chân thành cảm ơn!

GV. Đoàn Hữu Cảnh (Huu Canh Doan)

ĐT: 0983.267.047

Email: [dhcanh.pdu@gmail.com](mailto:dhcanh.pdu@gmail.com)